

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 217/QĐ-ĐHTĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, tạo lập, xác lập, bảo vệ và khai thác thương mại tài sản trí tuệ được tạo ra trong hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ của các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Trường Đại học Thành Đô (sau đây gọi tắt là Trường ĐHTĐ).

2. Văn bản này áp dụng đối với người lao động, người học; đơn vị trực thuộc và thuộc Trường Đại học Thành Đô (dưới đây gọi chung là đơn vị) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

a) Đối với người lao động: Trường Đại học Thành Đô phải bảo đảm rằng hợp đồng lao động hoặc thỏa thuận khác thiết lập loại hình quan hệ lao động bất kỳ giữa Nhà trường và người lao động phải có điều khoản quy định về trách nhiệm của người lao động theo phạm vi điều chỉnh của Quy chế này;

b) Người học là sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh thuộc các hệ đào tạo của Trường;

c) Đơn vị thuộc và trực thuộc Trường gồm các phòng, khoa, viện, bộ môn, trung tâm và các đơn vị tương đương (sau đây gọi là đơn vị thuộc Trường);

d) Tổ chức, cá nhân ngoài trường có hoạt động hợp tác, nghiên cứu, đào tạo với Trường;

e) Các chủ thể khác có liên quan đến việc tạo ra, khai thác và bảo vệ tài sản trí tuệ tại Trường.

3. Đối với Tài sản trí tuệ (TSTT) có trước của cá nhân: Từ thời điểm bắt đầu công việc theo hợp đồng lao động, đăng ký nhập học hoặc hợp đồng cộng tác viên, người lao động, người học và cộng tác viên phải tuyên bố TSTT bất kỳ của mình hiện có mà muốn loại trừ ra khỏi việc áp dụng Quy chế này do được tạo từ trước thời điểm làm việc, nhập học hoặc tiếp nhận cộng tác viên tại Nhà trường.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Quyền SHTT* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với TSTT, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

2. *Quyền tác giả* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

3. *Quyền liên quan đến quyền tác giả* (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

4. *Quyền sở hữu công nghiệp* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

5. *Quyền đối với giống cây trồng* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.

6. *Chủ thể quyền SHTT* là chủ sở hữu quyền SHTT hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền SHTT.

7. *Tác phẩm* là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

8. *Tác phẩm phái sinh* là tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn.

9. *Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố* là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng với một số lượng bản sao hợp lý.

10. *Sao chép* là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo bản sao dưới hình thức điện tử.

11. *Sáng chế* là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.

12. *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

13. *Mạch tích hợp bán dẫn* là sản phẩm dưới dạng thành phẩm hoặc bán thành phẩm, trong đó các phần tử với ít nhất một phần tử tích cực và một số hoặc tất cả các mối liên kết được gắn liền bên trong hoặc bên trên tấm vật liệu bán dẫn nhằm thực hiện chức năng điện tử. Mạch tích hợp đồng nghĩa với IC, chip và mạch vi điện tử.

14. *Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn* (sau đây gọi là thiết kế bố trí) là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn.

15. *Nhãn hiệu* là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

16. *Tên thương mại* là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh.

Khu vực kinh doanh quy định tại khoản này là khu vực địa lý nơi chủ thể kinh doanh có bàn hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

17. *Văn bằng bảo hộ* là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; quyền đối với giống cây trồng.

18. *Thông tin bí mật* của Trường Đại học Thành Đô là các thông tin được xác định theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc thông tin được xác định, xác lập theo Quy chế bảo mật của Trường Đại học Thành Đô.

19. *Những tác phẩm học thuật* là tất cả những sản phẩm trí tuệ, mà tác giả là người giảng dạy, người học hoặc cộng tác viên, bao gồm sản phẩm nghiên cứu, sản phẩm sáng tạo và các kết quả đầu ra khác trong (các) lĩnh vực chuyên môn của họ. Tác phẩm học thuật không bao gồm học liệu, phần mềm máy tính và cơ sở dữ liệu.

20. *Tài liệu khóa học* là tất cả các tài liệu được dùng trong hoặc liên quan đến giảng dạy một chương trình giáo dục thông qua việc cung cấp các bài giảng, hướng dẫn, hội thảo, tọa đàm, thực địa hoặc thí nghiệm, đánh giá, thực hành và các hoạt động giảng dạy khác do Nhà trường thực hiện; và tất cả TSTT đối với các tài liệu này.

21. *Tài nguyên giáo dục mở* là tài liệu giảng dạy, học tập và nghiên cứu thuộc tài sản công cộng và đã được phát hành theo giấy phép mở, cho phép người khác tự do sử dụng hoặc sửa đổi.

22. *Người lao động* là người bất kỳ ký hợp đồng lao động với Nhà trường, bao gồm những người giảng dạy, nghiên cứu, kỹ thuật, hành chính và chuyên gia, bất kể toàn thời gian hay bán thời gian hoặc thời vụ.

23. *Người học* là sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh đang theo học các hệ đào tạo tại Nhà trường, người bất kỳ đăng ký một khóa học được phê duyệt tại Nhà trường.

24. *Cộng tác viên* là thực tập sinh, cộng tác viên và các đối tượng khác đến làm việc, khảo sát và/hoặc hoạt động tại Nhà trường, người bất kỳ không phải là người lao động hay người học của Nhà trường mà tham gia công việc tại Nhà trường, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng, trợ giảng, giáo viên, nghiên cứu viên, học giả và tình nguyện viên; và những người ký kết thỏa thuận tiếp nhận cộng tác viên với Nhà trường.

25. *Tác giả* là người bất kỳ là đối tượng điều chỉnh của Quy chế này, là người tạo ra, nghĩ ra, thực hành, là tác giả, hoặc bằng cách khác đóng góp trí tuệ đáng kể vào việc tạo ra TSTT và đáp ứng định nghĩa “tác giả sáng chế”, “tác giả” theo quy định của luật SHTT.

26. *Đồng tác giả* là những tác giả cùng trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ TSTT.

27. *Người hỗ trợ* là trợ lý, kỹ thuật viên, người góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu (không phải thông tin bí mật) và các cá nhân bất kỳ khác đã gián tiếp đóng góp vào việc tạo ra TSTT của tác giả - và như vậy không được coi là tác giả hoặc tác giả sáng chế theo

pháp luật SHTT- chủ yếu thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định hoặc thực hiện theo các hướng dẫn cụ thể, nhưng nếu không có sự đóng góp thực tế của họ thì việc thương mại hóa có thể không thực hiện được.

28. *TSTT* là tất cả các kết quả đầu ra của nỗ lực sáng tạo trong lĩnh vực bất kỳ ở Nhà trường mà quyền pháp lý đối với các kết quả đó có thể đạt được hoặc được thực thi theo quy định pháp luật.

29. *TSTT của Nhà trường* là TSTT thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của Nhà trường.

30. *TSTT có trước* là bất kỳ TSTT nào có trước khi thực hiện Dự án Nghiên cứu bất kỳ hoặc trước khi tác giả trở thành đối tượng của Quy chế này, dưới hình thức Tiếp nhận đối với cộng tác viên, hợp đồng lao động đối với người lao động, hoặc đăng ký nhập học đối với người học.

31. *Nghiên cứu khoa học* là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. Nghiên cứu bao gồm ba hoạt động: nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

32. *Hợp đồng nghiên cứu* là Thỏa thuận bất kỳ giữa Nhà trường với tổ chức, cá nhân không thuộc Nhà trường hoặc nhà tài trợ nghiên cứu, liên quan đến Nghiên cứu, mà có thể dẫn đến việc tạo ra quyền SHTT tại Nhà trường.

33. *Dự án Nghiên cứu* là Dự án bất kỳ tạo thành cơ sở cho việc nghiên cứu do Nhà trường thực hiện và bao gồm các dự án được thực hiện bởi người học, dưới sự giám sát của người lao động hoặc cộng tác viên, là một phần của chương trình nghiên cứu sinh.

34. *Thương mại hóa* là Hình thức bất kỳ sử dụng TSTT nhằm tạo ra giá trị, có thể dưới dạng một sản phẩm, quy trình hoặc dịch vụ thương mại, lợi nhuận thương mại, hoặc lợi ích khác cho xã hội.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 3. Tài sản trí tuệ của Trường Đại học Thành Đô

1. Tài sản trí tuệ của Nhà trường

TSTT của Nhà trường có thể bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở:

- Các tác phẩm viết, bao gồm các công bố kết quả nghiên cứu và các tài liệu có liên quan, bao gồm bản nháp, bộ dữ liệu và sổ ghi chép phòng thí nghiệm; đồ án, khóa luận, luận văn, luận án;

- Tài liệu giảng dạy và học tập; Chương trình đào tạo, chương trình chi tiết các môn học, học phần sử dụng trong đào tạo các loại hình, các hệ bậc của Trường;

- Các tác phẩm văn học, kịch, âm nhạc hoặc nghệ thuật có tính nguyên gốc khác, bản ghi âm, phim, chương trình phát sóng và sắp xếp in ấn, tác phẩm đa phương tiện, ảnh chụp,

tranh và các tác phẩm khác được tạo ra với sự trợ giúp về nguồn lực hoặc phương tiện của Nhà trường;

- Các giáo trình, sách tham khảo, sổ tay hướng dẫn, sách điện tử, giáo trình điện tử, bài giảng điện tử của Trường;

- Cơ sở dữ liệu, bảng hoặc biên dịch, phần mềm máy tính, tài liệu thiết kế chuẩn bị cho chương trình máy tính, phần sụn (firmware), phần mềm dạy học (courseware) và tài liệu có liên quan;

- Thông tin kỹ thuật có thể được cấp bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích và không thể được cấp bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích;

- Các sản phẩm sáng tạo trong hoạt động hợp tác, kinh doanh, thương mại: Bí mật thương mại, tên thương mại, nhãn hiệu hàng hóa/dịch vụ, tên miền;

- Hình ảnh và thương hiệu của Trường Đại học Thành Đô bao gồm: logo, tên miền.

- Thiết kế bố trí mạch tích hợp, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu;

- Bí quyết, thông tin và dữ liệu liên quan đến các đối tượng nêu trên;

- Công trình bất kỳ khác do Nhà trường thực hiện mà không được nêu trên đây.

2. Quyền sở hữu và đồng sở hữu kết quả nghiên cứu

- Trường Đại học Thành Đô sở hữu toàn bộ TSTT được tạo ra chủ yếu từ nguồn ngân sách Trường hoặc các nguồn lực do Trường quản lý thuộc quyền sở hữu của Trường như sau:

- + TSTT được tạo ra bởi người lao động, người học, các đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ và vị trí việc làm;

- + TSTT được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng ký kết giữa Trường với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường mà trong hợp đồng có quy định tài sản trí tuệ phát sinh thuộc quyền sở hữu của Trường;

- + TSTT được chủ sở hữu là các cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Trường.

- Trường Đại học Thành Đô là chủ sở hữu/đồng sở hữu TSTT được tạo ra nhờ sử dụng một phần nguồn lực của Trường và nguồn lực của cá nhân và/hoặc tổ chức khác, trừ khi có thỏa thuận khác. Tỷ lệ sở hữu TSTT sẽ được thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên liên quan.

- Trường Đại học Thành Đô là chủ sở hữu/đồng sở hữu TSTT khi được các cơ quan có thẩm quyền chỉ định, phân cấp hoặc chuyển nhượng cho Nhà trường đứng tên chủ sở hữu, hoặc được chủ sở hữu hợp pháp đối với các TSTT chuyển nhượng hoặc tặng cho Nhà trường.

Điều 4. Tác giả, đồng tác giả đối với tài sản trí tuệ của Trường

1. Người lao động, người học và các cá nhân khác trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tài sản trí tuệ của Trường là tác giả hoặc đồng tác giả của tài sản trí tuệ đó.

2. Tác giả, đồng tác giả đối với tài sản trí tuệ của Trường được hưởng các quyền nhân thân theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ, được hưởng nhuận bút, thù lao và các quyền lợi vật chất theo quy định của Trường hoặc theo hợp đồng đã giao kết. Trường hợp không có thỏa thuận hoặc không có trong quy chế thì tác giả, đồng tác giả được hưởng các lợi ích vật chất theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền sở hữu tài sản trí tuệ của người lao động

1. Người lao động của Nhà trường là chủ sở hữu đối với những tài sản trí tuệ do họ sáng tạo ra bằng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật của mình khi không sử dụng các nguồn lực của Nhà trường.

2. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của NLĐ thì phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

3. Bộ phận Thư viện, Phòng KHCN và Tạp chí Nghiên cứu khoa học và phát triển được quyền lưu giữ bản gốc các công trình khoa học sau đây của NLĐ với mục đích phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học:

- a) Đề tài nghiên cứu khoa học do trường là cơ quan chủ trì
- b) Sách chuyên khảo
- c) Bài viết Hội thảo, Hội nghị, Tọa đàm khoa học do Nhà trường và các đơn vị thuộc Trường tổ chức hoặc đồng tổ chức
- d) Bài viết đăng trên Tạp chí, Cổng thông tin điện tử của Nhà trường.

Điều 6. Quyền sở hữu tài sản trí tuệ của người học

1. Người học là chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ do họ sáng tạo ra trong hoạt động học tập, nghiên cứu tại Trường như: khóa luận, đồ án, luận văn, luận án, tiểu luận, bài tập, bài báo khoa học, công trình nghiên cứu khoa học và các tài sản trí tuệ khác, trừ trường hợp tài sản trí tuệ được tạo ra do Trường hoặc bên thứ ba đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất.

2. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của người học thì phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

3. Bộ phận Thư viện, Phòng KHCN và Tạp chí Nghiên cứu khoa học và phát triển tùy thuộc vào nhiệm vụ quản lý của mình được quyền lưu giữ bản gốc các công trình khoa học sau đây:

- a) Khóa luận, luận văn, luận án, đồ án;
- b) Đề tài nghiên cứu khoa học của người học được thực hiện trong Trường;
- c) Bài viết của người học tại Hội thảo, Hội nghị, Tọa đàm khoa học do Trường tổ chức hoặc đồng tổ chức;
- d) Bài viết của người học đăng trên Tạp chí, Cổng thông tin điện tử của Trường.

4. Chủ thể bên ngoài Trường ĐHTĐ cấp học bổng nghiên cứu hoặc học bổng cho người học có thể chọn nắm giữ quyền sở hữu TSTT do người học tạo ra trong quá trình học tập tại Trường ĐHTĐ, với điều kiện người học đó và Trường ĐHTĐ đồng ý chuyển nhượng quyền sở hữu TSTT bằng văn bản và sự đồng ý đó không trái với quy định pháp luật.

Điều 7. Đối với TSTT do cộng tác viên tạo ra

Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa Trường ĐHTĐ và Đơn vị chủ quản của cộng tác viên trước khi được tiếp nhận làm cộng tác viên tại Trường ĐHTĐ, cộng tác viên phải chuyển nhượng cho Trường ĐHTĐ bất kỳ TSTT nào:

- Được tạo ra trong tiến trình và phạm vi làm cộng tác viên tại Trường ĐHTĐ; hoặc
- Được tạo ra do Sử dụng đáng kể tài nguyên của Trường ĐHTĐ.

Điều 8. Tên gọi, tên giao dịch Trường Đại học Thành Đô

1. Tên gọi, tên giao dịch của Trường ĐHTĐ là: Trường Đại học Thành Đô và/hoặc Thanh Do University.

2. Các đơn vị thuộc Trường, các đơn vị trực thuộc Trường, người lao động, người học, cộng tác viên được quyền sử dụng tên gọi, tên giao dịch của Trường ĐHTĐ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Việc sử dụng tên gọi, tên giao dịch của Trường ĐHTĐ phải đảm bảo hình ảnh, uy tín của Trường, việc sử dụng tên gọi, tên giao dịch của Trường ĐHTĐ không nằm trong phạm vi nhiệm vụ được giao phải được sự đồng ý bằng văn bản của Hiệu trưởng Trường ĐHTĐ.

Điều 9. Nhãn hiệu của Trường Đại học Thành Đô

1. Nhãn hiệu của Trường Đại học Thành Đô là nhãn hiệu được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận số 468353 theo quyết định số 103287/QĐ-SHTT ngày 22/11/2023.

2. Trường ĐHTĐ là chủ sở hữu quyền tác giả của nhãn hiệu Trường ĐHTĐ.

3. Trường ĐHTĐ là chủ sở hữu nhãn hiệu Trường ĐHTĐ.

4. Các đơn vị thuộc Trường, các đơn vị trực thuộc Trường, người lao động, người học, cộng tác viên được sử dụng nhãn hiệu Trường ĐHTĐ trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Các đơn vị thuộc Trường có quyền thiết kế xây dựng và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu khác mang đặc điểm, bản chất riêng của đơn vị trên nguyên tắc đảm bảo hình ảnh và uy tín của Trường ĐHTĐ. Trường ĐHTĐ là chủ sở hữu quyền tác giả và chủ sở hữu nhãn hiệu đối với các nhãn hiệu của các đơn vị thuộc Trường.

6. Các đơn vị trực thuộc Trường ĐHTĐ có quyền thiết kế xây dựng, đăng ký bảo hộ và sở hữu nhãn hiệu mang đặc điểm, bản chất riêng của đơn vị.

7. Việc sử dụng các nhãn hiệu thuộc sở hữu của Trường ĐHTĐ không nằm trong phạm vi nhiệm vụ được giao phải được sự đồng ý bằng văn bản của Hiệu trưởng Trường ĐHTĐ.

8. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân trực thuộc sử dụng nhãn hiệu của Trường ĐHTĐ để ươm tạo công nghệ, thương mại hóa TSTT và cung cấp dịch vụ khoa học công nghệ, hoạt động sản xuất kinh doanh và các mục đích khác ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao cần được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Trường ĐHTĐ. Trường ĐHTĐ quy định cụ thể về việc trả phí cho phép sử dụng nhãn hiệu trong các trường hợp cụ thể.

Điều 10. Công bố và bảo mật

1. Công bố

- Quyền công bố đối với tài sản trí tuệ là kết quả nghiên cứu được tạo ra trong hoạt động của Trường thuộc về Trường, trừ trường hợp các bên tham gia có thỏa thuận khác. Việc công bố không được làm ảnh hưởng đến khả năng bảo hộ và khai thác thương mại tài sản trí tuệ của Trường.

- Trong trường hợp Trường không thực hiện việc công bố trong thời hạn thỏa thuận, cam kết bằng văn bản, tác giả của các kết quả nghiên cứu được thực hiện quyền công bố.

2. Không công bố để bảo vệ TSTT: Để tránh mất khả năng bảo hộ quyền SHTT do bộc lộ hoặc công khai sớm, tác giả cần xác định TSTT bất kỳ có thể bảo hộ và phải xin ý kiến Phòng KHCN trước khi thực hiện bộc lộ công khai.

3. Bảo mật thông tin

- Tất cả các đơn vị, người lao động, người học, cộng tác viên phải có nghĩa vụ bảo mật đối với các tài sản trí tuệ của Trường.

- Không được bộc lộ bất kỳ thông tin bí mật của Trường cho bất kỳ bên thứ ba nào khác dưới bất kỳ hình thức nào (văn bản, lời nói, hình ảnh,...), trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Trường.

- Không sử dụng ý tưởng hoặc kết quả nghiên cứu hoặc bất kỳ tài sản trí tuệ nào được tạo ra bởi người lao động, người học và cộng tác viên của Trường, nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường.

- Không được sử dụng bất cứ nội dung chương trình đào tạo, hoặc bất cứ quy trình tổ chức hoặc quy trình quản lý các hoạt động chuyên môn của Trường ĐHTĐ để áp dụng vào các cơ quan, đơn vị khác không phải Trường.

- Khi tham gia nghiên cứu, học tập tại Trường, người học và cộng tác viên phải cam kết bảo mật thông tin với tập thể hướng dẫn.

CHƯƠNG III.

QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ THUỘC TRƯỜNG

Điều 11. Các đơn vị có chức năng quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ

1. Phòng Khoa học công nghệ

- Quản lý, giám sát hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường.

- Xây dựng các quy trình thủ tục, biểu mẫu trong việc ghi nhận, khai báo, chuyển nhượng, khai thác tài sản trí tuệ.

- Nhận diện, ghi nhận các loại tài sản trí tuệ do NLD thuộc Nhà trường tạo lập, trong phạm vi quản lý của đơn vị. Thông báo cho các tác giả, đồng tác giả và đơn vị thuộc, trực thuộc Nhà trường về việc công bố hoặc trì hoãn công bố các tài sản trí tuệ mới phát sinh.

- Lập hồ sơ thống kê, theo dõi tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Nhà trường; Lưu trữ tập trung và phối hợp quản lý, khai thác các sản phẩm NCKH và đào tạo của Nhà trường.

- Xúc tiến thương mại hóa các tài sản trí tuệ:

- + Có trách nhiệm và được toàn quyền chủ động trong việc xúc tiến thương mại tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Nhà trường;

- + Phối hợp cùng Bộ phận pháp chế tham mưu Ban Giám hiệu ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng li – xăng, hợp đồng góp vốn, hợp đồng liên doanh/liên kết bằng tài sản trí tuệ của Nhà trường, hợp đồng hợp tác nghiên cứu để tạo lập các tài sản trí tuệ mới.

- Ghi nhận, thống kê tài sản trí tuệ phát sinh trong hoạt động đào tạo của Nhà trường: Luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, khóa luận, đồ án tốt nghiệp.

- Thực hiện các nhiệm vụ SHTT khác theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

2. Bộ phận Pháp chế

- Tham mưu Ban Giám hiệu những vấn đề phát sinh trong hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường; tư vấn pháp lý về Sở hữu trí tuệ cho các đơn vị.

- Thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với tài sản trí tuệ thuộc Trường; hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền SHTT đối với tài sản trí tuệ của NLD thuộc Nhà trường.

- Phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về SHTT, văn bản quản lý tài sản trí tuệ của Nhà trường.

- Phối hợp cùng Phòng KHCN thực hiện quy trình, thủ tục đảm bảo các quyền SHTT cho Nhà trường, NLD thuộc Nhà trường.

3. Các đơn vị thuộc Trường ĐHTĐ

Người đứng đầu các đơn vị thuộc Trường có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ trong việc:

- Phòng chống việc xâm phạm trái phép quyền sở hữu trí tuệ của các chủ thể khác trong mọi hoạt động thuộc phạm vi quản lý của mình. Trong trường hợp vi phạm, các đơn vị thuộc Trường phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và tự chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh.

- Quán triệt các quy định trong quy chế này cùng các quy định khác liên quan đến tất cả NLD, người học, cộng tác viên thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Yêu cầu NLD, người học, cộng tác viên trong phạm vi quản lý của mình tiến hành hoạt động ghi nhận các tài sản trí tuệ mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ được giao, theo các thủ tục, biểu mẫu đã được ban hành.

- Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền SHTT đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo quy định tại Quy chế này.

- Xúc tiến việc khai thác giá trị của các tài sản trí tuệ do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo quy định của Quy chế này.

CHƯƠNG IV.

KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ QUYỀN ĐỐI VỚI TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 12. Sử dụng tài sản trí tuệ của Trường

1. NLĐ được tiếp cận, sử dụng các tài sản trí tuệ của Trường trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, dịch vụ và thực hiện các nhiệm vụ được giao phù hợp với quy định của Trường, trừ trường hợp pháp luật hoặc Trường có quy định khác.

2. Người học được tiếp cận, sử dụng các tài sản trí tuệ của Trường trong hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học tại Trường, trừ trường hợp pháp luật hoặc Trường có quy định khác.

3. Tổ chức, cá nhân ngoài trường có hoạt động hợp tác, nghiên cứu, đào tạo, dịch vụ với Trường được sử dụng tài sản trí tuệ của Trường trong quá trình thực hiện công việc theo thỏa thuận hoặc quyết định của Hiệu trưởng.

4. NLĐ, người học, cộng tác viên, cá nhân ngoài trường khi sử dụng tài sản trí tuệ của Trường có nghĩa vụ tuân thủ Quy chế này, quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 13. Phân chia lợi ích từ việc khai thác tài sản trí tuệ của Trường

1. Việc phân lợi ích từ tài sản trí tuệ là sản phẩm của đề tài, đề án, dự án sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước, Nhà trường hoặc theo thỏa thuận của các bên theo quy định.

2. Đối với sản phẩm là sách, giáo trình, tập bài giảng, tác giả hoặc đồng tác giả được hưởng mức nhuận bút theo quy định trong văn bản quy định về chế độ nhuận bút theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

3. Nếu không có thỏa thuận, Quy chế chi tiêu nội bộ hoặc pháp luật không quy định, việc phân chia lợi ích được tiến hành như sau:

a) Thanh toán các chi phí (nếu có), gồm: thuế, phí, lệ phí đăng ký xác lập quyền, trích nộp cơ quan cấp kinh phí, trích nộp Quỹ phát triển khoa học công nghệ (nếu có) và các chi phí liên quan;

b) Hiệu trưởng quyết định tỷ lệ phân chia lợi ích, sau khi có ý kiến tham mưu của Phòng KHCN, Bộ phận Pháp chế và Phòng Tài chính – Kế toán.

Điều 14. Các hành vi xâm phạm quyền tác giả

1. Các hành vi xâm phạm quyền tác giả

a) Mạo danh tác giả;

b) Công bố tác phẩm mà không được phép của tác giả hoặc đồng tác giả;

c) Sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả;

d) Trích dẫn, sao chép tác phẩm mà không ghi hoặc ghi không đầy đủ, chính xác thông tin về tác giả và tác phẩm.

2. Các hành vi xâm phạm quyền tài sản bao gồm:

a) Chiếm đoạt quyền tác giả;

b) Sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, trừ trường hợp:

- Tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân.

- Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu khoa học.

c) Làm tác phẩm phái sinh mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh, trừ trường hợp chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị.

d) Sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, không trả nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả, trừ các trường hợp được quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ.

e) Nhân bản, sản xuất bản sao, phân phối, trưng bày hoặc truyền đạt tác phẩm đến công chúng qua mạng truyền thông và các phương tiện kỹ thuật số mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.

f) Xuất bản tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.

g) Phân phối và sử dụng sản phẩm in lậu, in giả, in nổi bản trái phép tại Trường.

3. Các hành vi xâm phạm liên quan đến xác biện pháp bảo vệ quyền tác giả bao gồm:

a) Cố ý hủy bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình;

b) Cố ý xóa, thay đổi thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử có trong tác phẩm.

c) Các hành vi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Biện pháp bảo vệ tài sản trí tuệ

1. Các tổ chức, cá nhân tại điều 1 Quy chế này có trách nhiệm bảo vệ tài sản trí tuệ của Trường. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu hay hành vi xâm phạm quyền đối với tài sản trí tuệ của Trường. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu hay hành vi xâm phạm quyền đối với tài sản trí tuệ của Trường, các tổ chức, cá nhân cần kịp thời thông báo cho Phòng Khoa học công nghệ hoặc đơn vị quản lý trực tiếp để có biện pháp xử lý.

2. Trường tiến hành các biện pháp thích hợp để bảo vệ tài sản trí tuệ của Trường, bao gồm:

a) Tự bảo vệ tài sản trí tuệ theo quy định của Trường và trên cơ sở pháp luật Sở hữu trí tuệ;

b) Yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật;

c) Khởi kiện ra cơ quan Tòa án nhân dân hoặc Trọng tài thương mại.

Điều 16. Xử lý hành vi xâm phạm và giải quyết tranh chấp quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ trong nội bộ Trường

1. Các đơn vị và các cá nhân thuộc Trường nếu có hành vi xâm phạm quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ được pháp luật hoặc Quy chế này quy định, tùy theo tính chất, mức độ xâm phạm, có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định của Trường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Các tranh chấp về quyền đối với tài sản trí tuệ trong nội bộ Trường được khuyến khích giải quyết bằng hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành, các cá nhân, tổ chức có liên quan sẽ giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường có trách nhiệm phổ biến nội dung Quy chế này đến toàn thể người lao động, người học và chủ thể khác có liên quan trong phạm vi đơn vị quản lý.

3. Trường hợp pháp luật có thay đổi liên quan đến nội dung của Quy chế này hoặc trong quá trình thực hiện Quy chế này phát sinh vướng mắc, bộ phận pháp chế có trách nhiệm tham mưu với Hiệu trưởng để sửa đổi, bổ sung./.